TÒA ÁN N HÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Hồng Tân
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Thuy Liễu
Ông Dương Văn Đến

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Kiên Thị Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà K.T.N.R, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp S.C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2.Bị đơn: Ông T.C, sinh năm 1979 (vắng mặt không rõ lý do)
Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2020 và lời khai tại tòa bà K.T.N.R là nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2011 bà với ông T.C kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình nên bà đã sống ly thân vơi ông T.C đến nay.

Về con chung: Có 01 người con chung tên T.K.T, sinh ngày 11/02/2012, hiện đang sống chung với bà.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Nay bà K.T.N.R yêu cầu xin ly hôn với ông T.C, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T.C cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của Kiểm sát viên về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử: Tòa án thụ lý vụ kiện đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, hòa giải, cấp tống đạt văn bản tố tụng và thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với các đương sự; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Quá trình chung sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên bà R đã ly thân với ông T.C từ năm 2012 đến nay, còn ông T.C thì bỏ đi Thành Phố Hồ Chí Minh sinh sống, từ đó mâu thuẫn gia đình không hàn gắn được.

Căn cứ điều 51, 54, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà K.T.N.R, cho bà K.T.N.R ly hôn với ông T.C.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của em T.K.T, sinh ngày 11/02/2012 tự nguyện sống chung với mẹ bà K.T.N.R. Ông T.C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà K.T.N.R phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà K.T.N.R và em T.K.T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, còn ông T.C vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con; căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nhận thấy, do mai mối và được sự chấp thuận của cha mẹ hai bên bà Rvới ông T.C quyết định xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều vắng mặt.

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai tại tòa của bà K.T.N.R, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình do ông T.C không lo làm ăn phụ giúp gia đình, không quan tâm đến vợ con mà còn hành hạ đánh đập bà trong lúc bà mang thai, mặc dù bà có khuyên ngăn nhưng tính tình ông T.C vẫn không thay đổi, từ đó mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng không hàn gắn được, nên bà đã ly thân với

ông T.C về nhà cha mẹ ruột sinh sống, còn ông T.C thị bỏ đi Thành Phố Hồ Chí Minh sinh sống đến nay đã hơn 08 năm.

Riêng đối với ông T.C là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T.C cố tình vắng mặt không rõ lý do, như vậy mặc nhiên ông T.C đã chấp nhận ly hôn và giao con chung cho bà K.T.N.R nuôi dưỡng.

Xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà K.T.N.R với ông T.C ngày càng trầm trọng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật, có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ Điều 51, 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của bà K.T.N.R là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của em T.K.T, sinh ngày 11/02/2012 tự nguyện sống chung với mẹ bà K.T.N.R. Ông T.C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền tới thăm, chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

[4] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà K.T.N.R phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 35, Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của bà K.T.N.R.

Tuyên xử: Cho bà K.T.N.R ly hôn với ông T.C.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của em T.K.T, sinh ngày 11/02/2012 tự nguyện sống chung với mẹ bà K.T.N.R. Ông T.C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền tới thăm, chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà K.T.N.R phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0000148, ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bà K.T.N.R và ông T.C biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú, để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-THADS huyện Châu Thành;
-Ủy ban nhân dân xã nơi ĐKKH;
-Các đương sự;
-Lưu.

Diệp Hồng Tân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Liễu Dương Văn Đến Diệp Hồng Tân